TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-ST
Ngày 22- 7 -2020
V/v: Tranh chấp HĐ mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:*Bà Tạ Thị Thu Thủy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Ngọc Giới;
2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên toà: Ông Thân Mạnh Thắng, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 22 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2019/TLST- DS ngày 10/12/2019 về tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-DS ngày 04/5/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-DS ngày 16/6/2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2020/QĐST-DS ngày 16/7/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp B.

Địa chỉ trụ sở: Số 01, đường L, phường T, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn K; chức vụ: Tổng Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, Kế toán Công ty cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp B (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Đỗ Toàn N, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Chị Mai Thị P, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2019 và trong quá trình xét xử, đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp B, ông Nguyễn Văn T trình bày: Công ty cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp B (sau đây được viết tắt là Công ty) chuyên kinh doanh các loại thức ăn chăn nuôi gia súc và phân bón cây trồng. Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2014 đến tháng 01/2017 Công ty có ký 03 hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán thức ăn chăn nuôi với anh Đỗ Toàn N và chị Mai Thị P vào những năm 2015, 2016 và 2017. Theo nội dung hợp đồng Công ty bán thức ăn chăn nuôi cho anh N và chị P theo đúng tiêu chuẩn, chất lượng và số lượng theo yêu cầu. P thức thanh toán bằng tiền mặt, thời gian thanh toán ngay giá trị tiền hàng cho Công ty hoặc là chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận hàng. Quá thời hạn thanh toán thì phải chịu lãi bằng 1%/tháng/số tiền nợ. Hai bên thống nhất thanh toán bằng biên bản đối chiếu công nợ hàng tháng. Thời hạn thanh toán các khoản nợ đến hạn là ngày 31/12/2017 nhưng do gặp phải đợt dịch lợn tai xanh và cam mất mùa nên gia đình anh N bị thua lỗ không có khả N thanh toán nợ, mặc dù vậy Công ty vẫn tạo điều kiện tiếp tục bán phân bón cây trồng cho anh N và chị P. T đến hết ngày 30/4/2019 vợ chồng anh N và chị P còn nợ công ty KTNN B số tiền cả gốc và lãi là 1.655.730.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm năm mươi lăm ngàn bẩy trăm ba mươi đồng), trong đó: 1.124.230.000 đồng tiền gốc và 531.500.000 đồng tiền lãi. Nay Công ty KTNN B yêu cầu anh N và chị P thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên, không yêu cầu T lãi tiếp theo và lãi chậm thi hành án.

- Anh Đỗ Toàn N và chị Mai Thị P có địa chỉ tại Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh B. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Trịnh Thị Nghĩa là mẹ anh N và chị Đỗ Thị Hiếu là em gái anh N và xác minh tại xã Đ được biết, anh N và chị P vào Vũng Tầu làm ăn, không có mặt tại địa P, thi thoảng mới về và không cung cấp địa chỉ cư trú cho gia đình và Tòa án nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh N và chị P không đến Tòa án làm việc, tuy nhiên anh N có gửi lời khai đến Tòa án và xác nhận số tiền hai bên đã chốt nợ là 1.655.730.000 đồng và cho rằng số tiền này là gồm cả tiền gốc và tiền lãi như các bên đã thỏa thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên toà Thẩm phán và Thư ký Toà án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên toà Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 431, 432, 433, 434, 440 của BLDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, xử:

Buộc anh Đỗ Toàn N và chị Mai Thị P thanh toán trả Công ty CP Kỹ thuật Nông nghiệp B số tiền 1.655.730.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm năm mươi lăm triệu, bẩy trăm ba mươi nghìn đồng).

Anh N, chị P phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật. Trả lại công ty KTNN B số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N và chị P, nhưng anh N, chị P vắng mặt tại phiên tòa nên HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228 xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2014 đến tháng 01/2017 anh Đỗ Toàn N và chị Mai Thị P có mua thức ăn chăn nuôi là cám và phân bón cây trồng của Công ty cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp B (sau đây được viết tắt là Công ty) để nuôi trồng. Hai bên có lập hợp đồng mua, bán và thỏa thuận Công ty bán thức ăn chăn nuôi gia súc cho anh N và chị P theo đúng tiêu chuẩn, chất lượng và số lượng theo yêu cầu. P thức thanh toán bằng tiền mặt, thời gian thanh toán ngay giá trị tiền hàng cho Công ty hoặc là chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận hàng. Quá thời hạn thanh toán thì phải chịu lãi suất 1%/tháng. T đến hết ngày 30/4/2019 vợ chồng anh N, chị P còn nợ công ty KTNN B số tiền 1.655.730.000 đồng, trong đó: 1.124.230.000 đồng tiền gốc và 531.500.000 đồng tiền lãi. Nay Công ty KTNN B yêu cầu anh N, chị P thanh toán tổng số tiền 1.655.730.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm năm mươi lăm triệu, bẩy trăm ba mươi nghìn đồng) là có căn cứ, cần chấp nhận.

Công ty KTNN B không yêu cầu T lãi tiếp theo và lãi chậm thi hành án nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Anh N, chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Công ty KTNN B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 30.800.000 đồng.

[4]Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 431, 432, 433, 434, 440 của BLDS. Điều 24, 26 Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Buộc anh Đỗ Toàn N và chị Mai Thị P phải thanh toán trả Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nông nghiệp B tổng số tiền 1.655.730.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm năm mươi lăm triệu, bẩy trăm ba mươi nghìn đồng), trong đó: 1.124.230.000

đồng tiền gốc và 531.500.000 đồng tiền lãi.

2. Về án phí**:** Anh N, chị P phải chịu 61.671.900 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Công ty Công ty cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp B số tiền 30.800.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0004415 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ được tống đạt hợp lệ bản án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Giới **Đỗ Thị Hoài Mơ** **Tạ Thị Thu Thủy**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Thu Thủy